

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Lê Thị H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hoài N trình bày:* Nguồn gốc nhà và đất đang có tranh chấp thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 38, diện tích 908m² tọa lạc tại Tổ 10, kiết 8, thôn X, xã H4, nay là số 7 kiết 13 đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế là do bà Ngô Thị Th, sinh năm 1915, mất năm 2007, tự tạo lập và là tài sản riêng của bà Ngô Thị Th. Trong quá trình sử dụng đất, bà Th là người đăng ký kê khai quyền sử dụng đất qua các thời kỳ và được UBND thành phố H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/7/2005 đứng tên bà Ngô Thị Th.

Trong quá trình sử dụng thửa đất này, vào khoảng năm 1990 bà Ngô Thị Th có cho vợ chồng ông Ngô Q và bà Cao Thị Ngọc L là cháu trong họ hàng đến ở cùng mình vì hoàn cảnh bà Th chỉ ở một mình, con cái ở xa trong khi vợ chồng ông Q chưa có chỗ ở ổn định. Năm 2007 bà Ngô Thị Th chết, bà Th có chồng là ông Lê Q1 đã chết vào năm 1956. Bà Th và ông Q1 có một người con duy nhất là Lê Thị H (Le H Thi), sinh năm 1943, hiện bà H đang định cư tại Canada. Nay bà Th qua đời, bà Lê Thị H là người thừa kế của bà Th nên bà muốn lấy lại nhà đất mà vợ chồng ông Q bà L đang ở nhưng vợ chồng ông Q bà L không chịu trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Ngô Q và bà Cao Thị Ngọc L phải trả lại cho bà H ngôi nhà khoảng 50m², gắn liền với diện tích đất 908m², theo kết quả đo vẽ thực tế ngày 27/6/2019 là 899m², thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 38, tọa lạc tại số 7 kiết 13 Đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Kèm theo đơn khởi kiện là các tài liệu chứng cứ gồm: Bản sao Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu AB 380919 đứng tên bà Ngô Thị Th do UBND thành phố H1 cấp ngày 22/7/2005; bản sao Giấy cam đoan về tổng chi của bà Ngô Thị Th; bản photo Tờ thông tin liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa ông Tran Mau Ng và bà Lê Thị H; Thông báo đòi lại nhà, đất của ông Nguyễn Hoài N đề ngày 06/3/2018 và Biên lai dịch vụ chuyển phát nhanh ngày 16/3/2018; bản sao giấy chứng tử của bà Ngô Thị Th; bản sao Trích lục khai tử của ông Lê Q1; Bản sao Giấy ủy quyền của bà Lê Thị H lập ngày 18/9/2017 chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 26/11/2017.

Bị đơn - Ông Ngô Q, bà Cao Thị Ngọc L trình bày: Nguồn gốc nhà và đất mà bà Lê Thị H đang khởi kiện đòi lại là thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 38, diện tích 908m² tọa lạc tại Tổ 10, kiết 8, thôn X, xã H4, thành phố H1, nay là số

7 kiệt 13 đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế mà vợ chồng ông bà đang ở là của vợ chồng bà Ngô Thị Th và ông Lê Q1 tạo lập vào năm 1941 do mua lại của người khác. Sau khi mua đất, do phải chuyển chỗ ở vào Quảng Nam sinh sống nên bà Th ông Q1 đã gửi lại nhà đất nói trên cho phía bên dòng họ ông Q1 chăm sóc. Năm 1954, vợ chồng ông Q1 bà Th ra lại thành phố H1 và tiếp tục sinh sống tại thửa đất nói trên. Năm 1956 ông Q1 chết, sau khi ông Q1 chết thì bà Th tiếp tục ở tại thửa đất nói trên. Trong quá trình chung sống vợ chồng ông Q1 bà Th không có con chung nên có nhận nuôi 02 người con nuôi là bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1925, hiện trú tại: 26/57 đường N1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế và bà Lê Thị H, sinh năm 1943, hiện đang định cư tại Canada. Bà Th1 được bà Th ông Q1 nhận nuôi lúc bà Th1 khoảng 7, 8 tuổi và lúc bà H được khoảng 03 tháng tuổi. Vào năm 1954, khi vợ chồng ông Q1 bà Th cùng hai con nuôi trở về Huế để sống. Bà Th1 ở cùng vợ chồng ông Q1 bà Th đến khoảng 20 tuổi thì bà Th1 đi lấy chồng và chuyển ra sống cùng với nhà chồng, còn bà H sống cùng vợ chồng ông Q1 bà Th đến năm 1966 thì lấy chồng và sau đó sang định cư tại Canada cho đến nay. Ông Q có quan hệ huyết tộc với bà Th, bố của ông Q là anh họ của bà Th nên ông Q xưng hô với bà Th là O (cô). Do nhận thấy các con nuôi đã đi lấy chồng và ở xa, bà Th ở một mình không có người chăm sóc nên bà Th đã gọi vợ chồng ông Q lên ở cùng từ năm 1979. Việc bà Lê Thị H cho rằng bà là con một của ông Q1 bà Th là không đúng sự thật vì tất cả những người lớn tuổi tại địa phương đều biết rõ bà H là con nuôi ông Q1 bà Th. Từ năm 1979, vợ chồng ông đã đến sống cùng với bà Th và ở đó chăm sóc bà Th cho đến năm 2007 thì bà Th qua đời. Quá trình vợ chồng ông cùng các con sinh sống, phụng dưỡng bà Th thì ông bà có sửa sang một số phần đường ngôi nhà, đồng thời có xây dựng thêm công trình phụ trong nhà. Vợ chồng ông thừa nhận bà H có xây dựng thêm căn nhà bên cạnh nhà thờ và hiện tại vợ chồng ông cũng đang ở trong ngôi nhà bà H xây dựng. Nay bà H đòi lại thửa đất mà gia đình ông bà đang sử dụng thì bà H phải khấu trừ cho gia đình ông bà công sức tu bổ gìn giữ làm tăng giá trị thửa đất nói trên cũng như công sức chăm sóc và phụng dưỡng bà Ngô Thị Th từ khi vợ chồng ông vào ở cho đến khi bà Th chết với tỷ lệ từ 10 đến 20% giá trị thửa đất nói trên. Việc phía đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng vợ chồng ông còn có nơi ở khác là thì vợ chồng ông không đồng ý vì đó là thửa đất hương hỏa của bố mẹ ông Q nên là tài sản chung của các anh em ông Q, còn ông chỉ là người đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay do ông bà

không còn chỗ ở nào khác nên đề ông bà có nguyện vọng xin bà H 200m² ở vị trí cạnh nhà ông Lê Quang Lạp và cạnh cổng ra vào nhà và đền bù cho vợ chồng ông bà số tiền 200.000.000 đồng để ông bà xây dựng nhà, tài sản trên đất đề nghị bà H xem xét bồi thường cho vợ chồng ông bà. Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ý kiến là bà H chỉ đồng ý hỗ trợ 100.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý, ông bà cũng đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của ông bà trên thửa đất này khi vợ chồng ông bà trả lại đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình Cao H3 cũng thống nhất với phần trình bày của ông Q, bà L và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Đối với bà Nguyễn Thị Th1, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bà Th1 có đơn đề nghị Tòa án xem xét tham gia tố tụng vì cho rằng bà Th1 cũng là con nuôi của bà Ngô Thị Th. Tòa án đã có quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh mối quan hệ đối với người để lại di sản nhưng phía bà Th1 không cung cấp được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND phường H2 và Công an thành phố H1 nhưng không có thông tin xác thực về mối quan hệ nuôi dưỡng giữa bà Th với bà Th1 nên không có cơ sở xác định bà Th1 là con nuôi của bà Ngô Thị Th, vì vậy, Tòa án không có cơ sở để xác định tư cách tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 192; điểm g, h Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý Số 18/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp đòi lại tài sản. Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho bà Lê Thị H do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

2. Về hậu quả đình chỉ giải quyết vụ án

Trả lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị H (do ông Nguyễn Hoài N nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền số 005414 ngày 05/6/2018 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự nếu

có yêu cầu. Bà Lê Thị H có quyền khởi kiện lại vụ án khi có đủ điều kiện thụ lý vụ án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Lê Thị H) là ông Nguyễn Hoài N kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số: 23/2019/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế yêu cầu Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H. Buộc bị đơn (ông Ngô Q, bà Cao Thị Ngọc L) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Ngô Đình Cao H3) trả lại nhà thửa đất số 230, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Tổ 10, kiệt 8, thôn X, xã H4 - nay là Số 7 kiệt 13 đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho Nguyên đơn do chưa đủ điều kiện khởi kiện và giải quyết hậu quả đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý và giải quyết vụ án dân sự tranh chấp là đòi lại tài sản giữa Bà Lê Thị H, sinh năm 1943; hiện trú tại: 42 Ulson Dr Richmond Hill On, L4E4W3, Canada; khởi kiện yêu cầu ông Ngô Q và bà Cao Thị Ngọc L trả lại ngôi nhà khoảng 50m², gắn liền với diện tích đất 908m² thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 38, tọa lạc tại số 7 kiệt 13 Đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Lê Thị H) là ông Nguyễn Hoài N buộc bị đơn (ông Ngô Q, bà Cao Thị Ngọc L) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Ngô Đình Cao H3) trả lại nhà

thửa đất số 230, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Tổ 10, kiệt 8, thôn X, xã H4 - nay là Số 7 kiệt 13 đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế thì thấy: Bà Ngô Thị Th, sinh năm 1915, mất năm 2007 có chồng là ông Lê Q1 chết năm 1956, có nhà và đất tại thửa đất số 230, tờ bản đồ 38, diện tích 908m² tọa lạc tại Tổ 10, kiệt 8, thôn X, xã H4, nay là số 7 kiệt 13 đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày 22/7/2005 được UBND thành phố H1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1990 bà Th cho vợ chồng ông Ngô Q và bà Cao Thị Ngọc L là cháu trong họ hàng đến ở cùng. Năm 2007 bà Ngô Thị Th chết không để lại di chúc. Theo người đại diện của nguyên đơn, Bà Th và ông Q1 có một người con duy nhất là Lê Thị H (Le H Thi), sinh năm 1943, hiện định cư tại Canada. Nay bà Th qua đời, bà H là người thừa kế duy nhất của bà Th nên khởi kiện đòi lại nhà ông Q, bà L đang quản lý.

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án Tòa cấp sơ thẩm đã nhiều lần ra Quyết định yêu cầu nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan để xác định ngoài bà H còn ai là người thân thích có quan hệ nuôi dưỡng chăm sóc và quan hệ huyết thống với ông Lê Q1 và bà Ngô Thị Th hay không (tại Bút lục số 68,72,74,75); Nhưng phía nguyên đơn không cung cấp đầy đủ các tài liệu kèm, mà chỉ có bản photo Tờ thông tin liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa ông Trần Mậu Nguyên và bà Lê Thị H; Đối với tài liệu sao lục tại Công an thành phố H1 thể hiện, bản khai nhân khẩu thường trú ngày 02/12/1975 đề tên bà Ngô Thị Th có định nội dung: Bà Ngô Thị Th chưa biết chữ, con Lê Thị H, lấy chồng dạy học ở tại Sài Gòn nhưng văn bản này là do người khác viết và không có dấu lặn tay của bà Th. Do đó, chưa có đủ có tài liệu chứng minh để xác định bà H có phải là con duy nhất với vợ chồng ông Q1 bà Th để khai nhận di sản thừa kế bố mẹ để lại hay không. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ vụ án đòi lại nhà là căn cứ phù hợp với thực tế khách quan của vụ án. Quyền và lợi ích của bà H vẫn được bảo đảm khi có đầy đủ tài liệu để khởi kiện lại vụ án khác đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Ngoài ra, theo lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác thì thấy: Bà Th, ông Lê Q1 ngoài bà Lê Thị H còn có bà Nguyễn Thị Th1, và vợ chồng ông Ngô Q, bà Cao Thị Ngọc L có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng hay không cũng cần xác định rõ để xử lý vụ án một cách toàn diện theo quy định của pháp luật về quan hệ tranh chấp.

[2.3] Do Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ vụ án trả lại đơn kiện đúng quy định pháp luật. Vì vậy, cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu trả lại nhà đất tại thửa số 230, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Tổ 10, Kiệt 8, thôn X, xã H4 - nay là Số 7 Kiệt 13 đường L1, phường H2, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[3] Về án phí phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hoài N, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp Đòi lại tài sản. Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho bà Lê Thị H do chưa đủ điều kiện khởi kiện.

4. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp tại biên lai thu số 005579 ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn